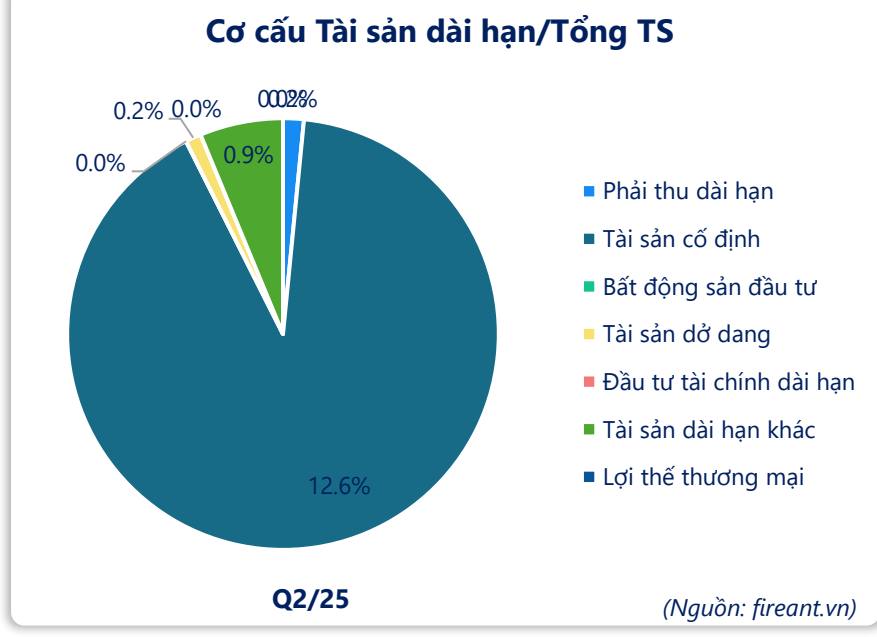
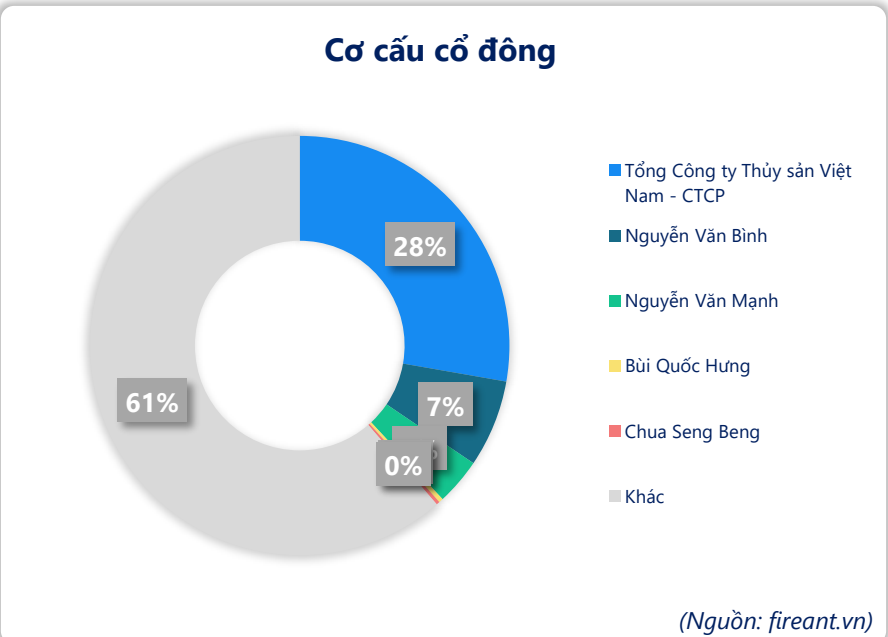
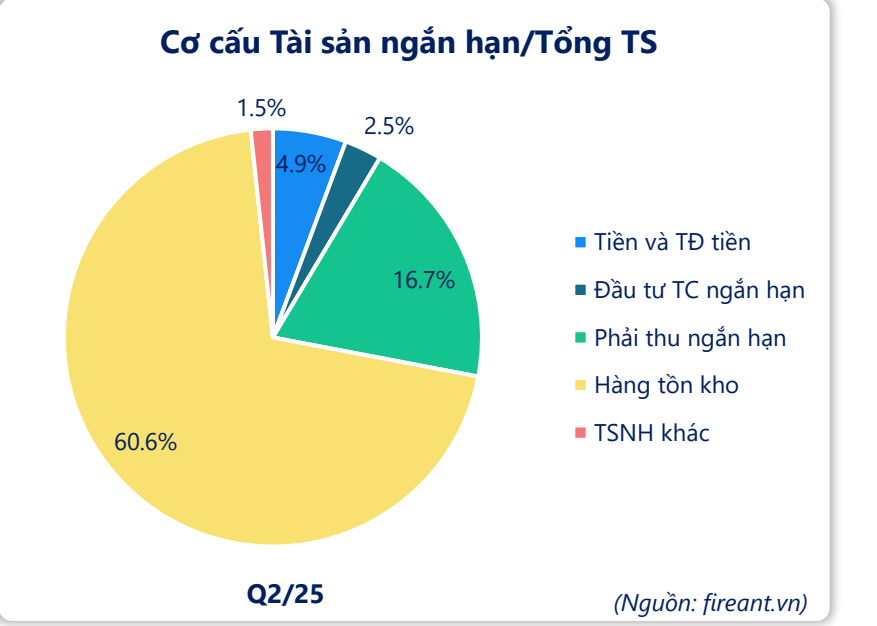
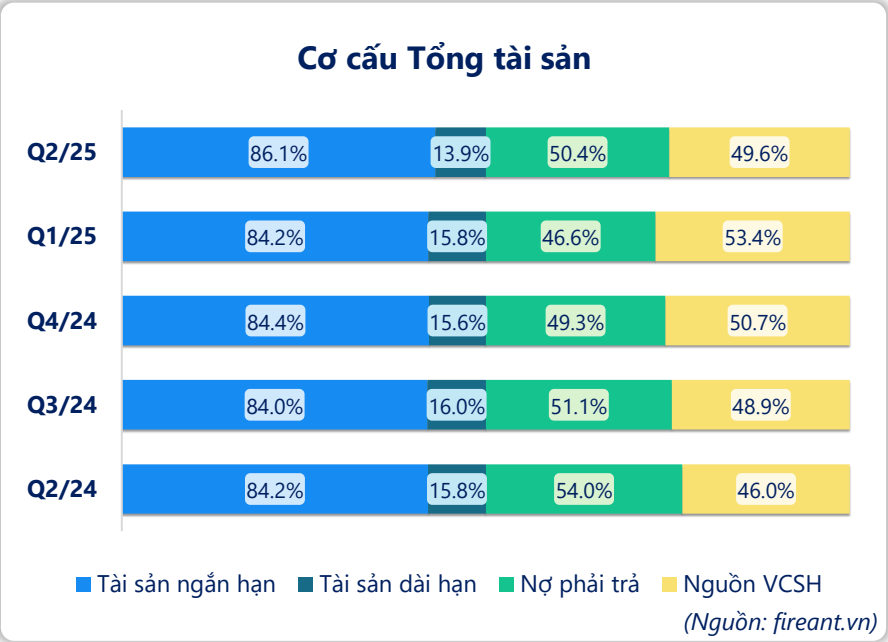
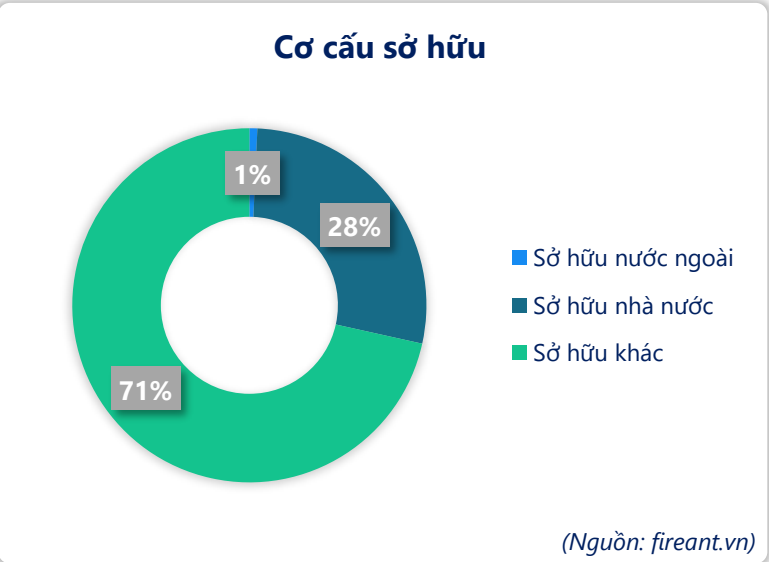
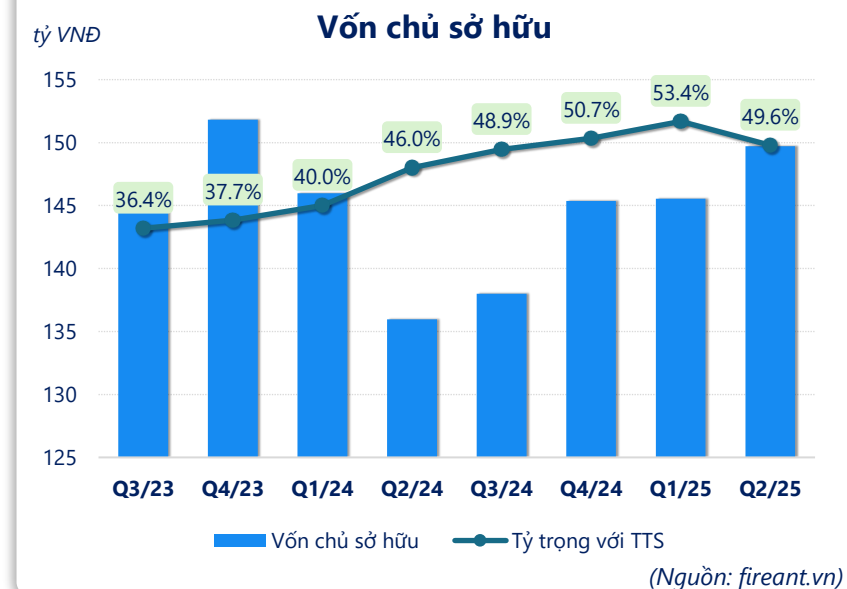
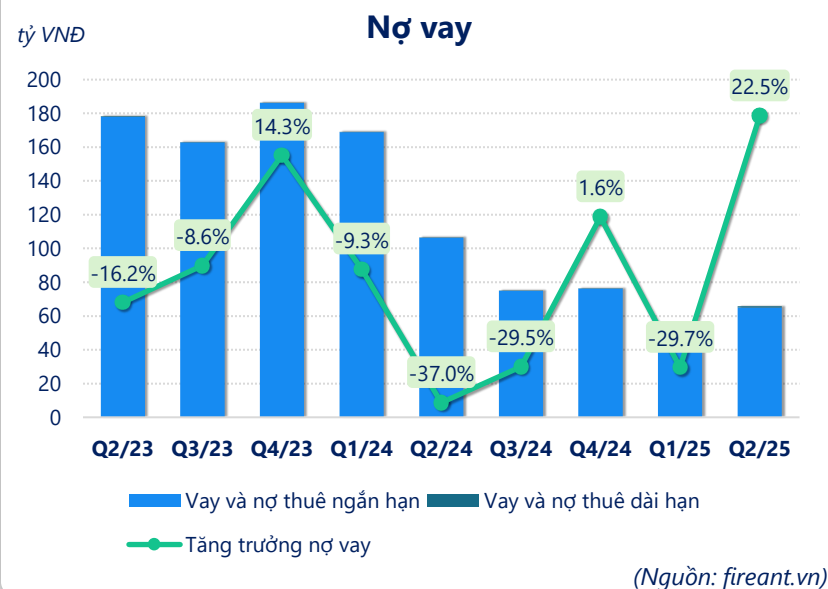
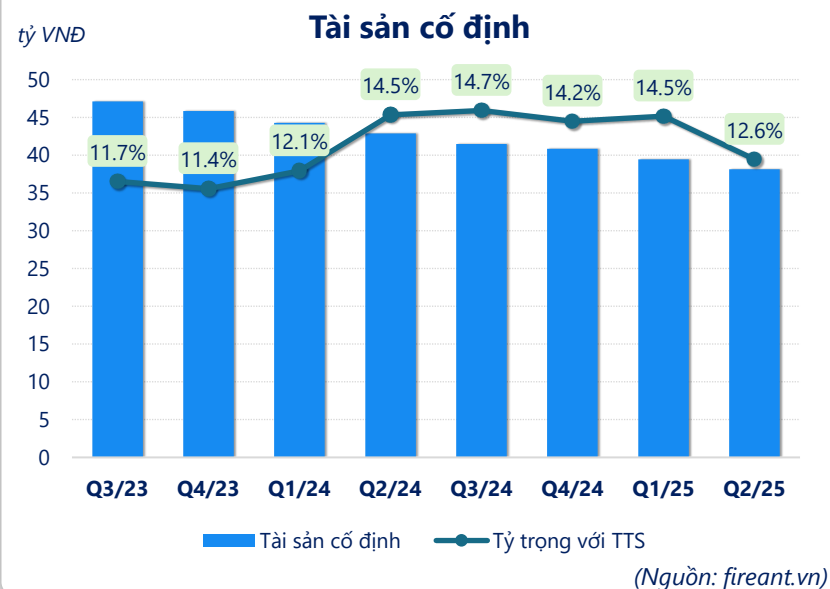
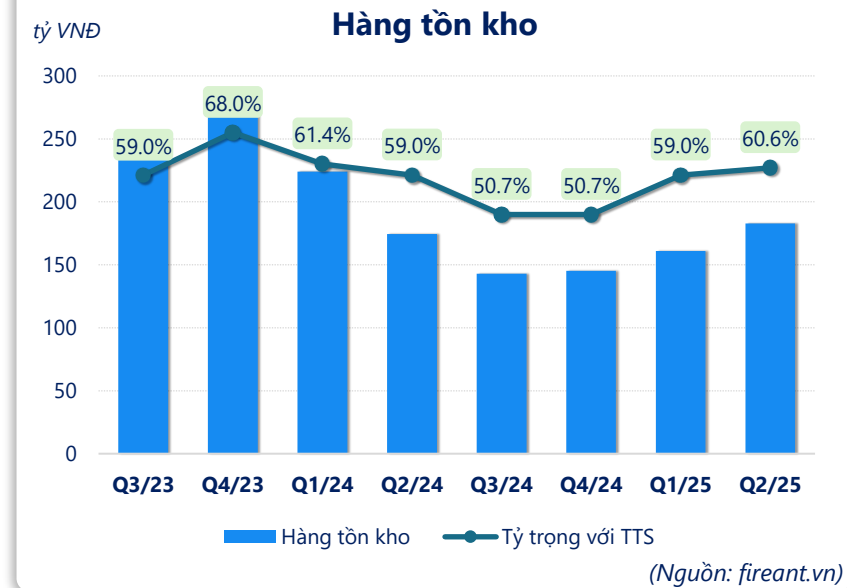
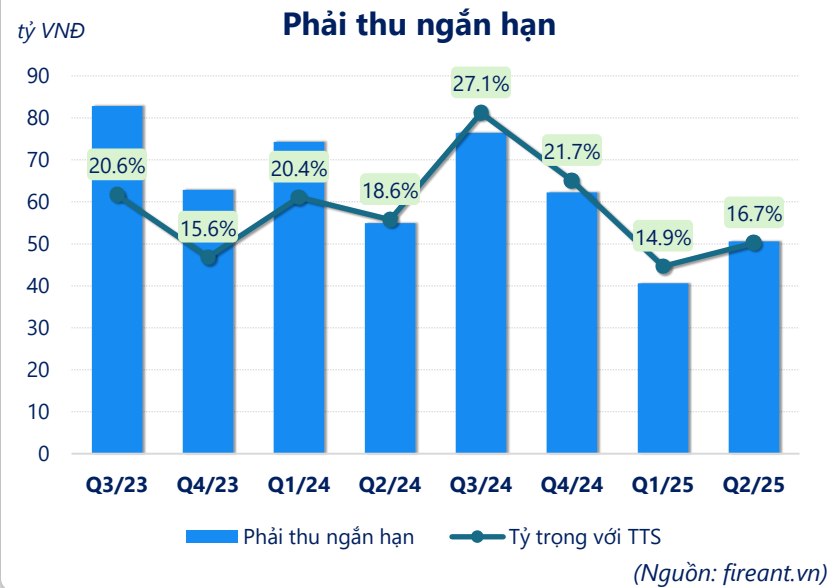
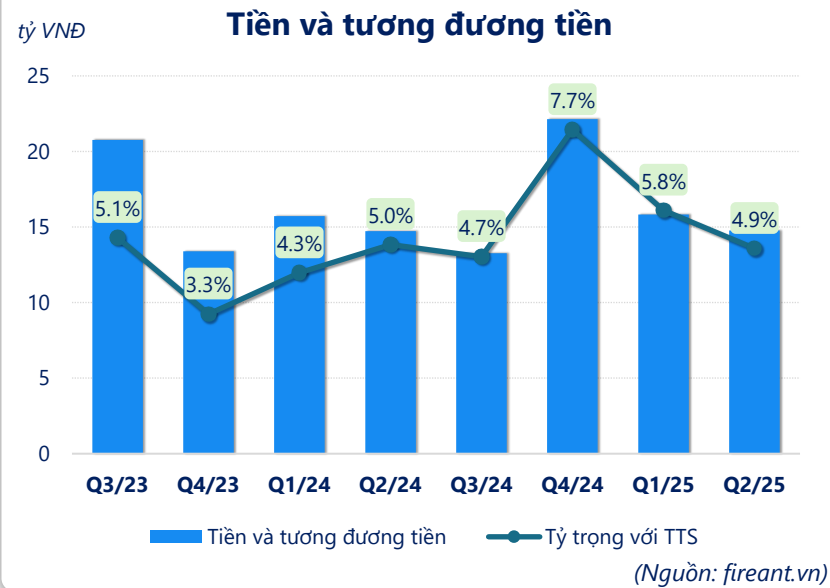
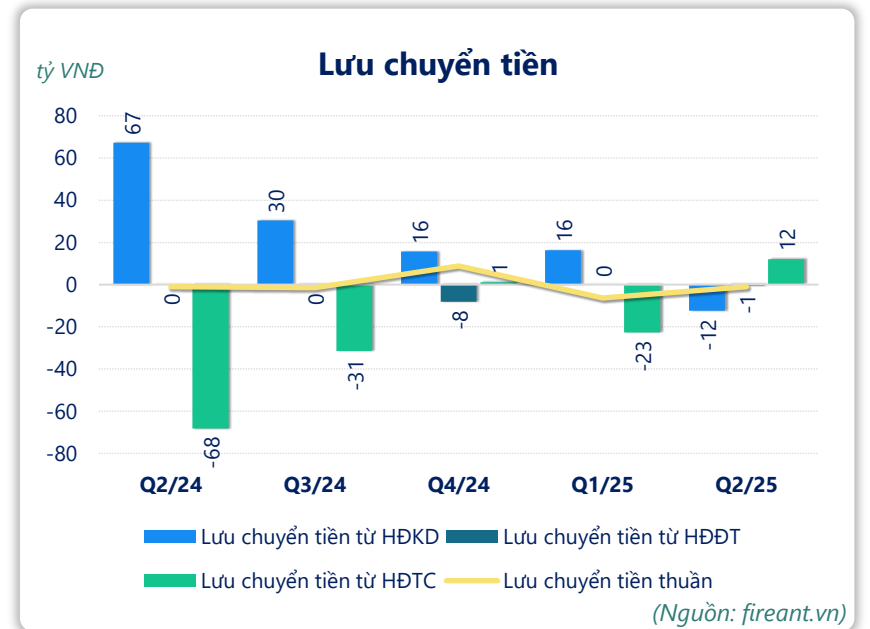
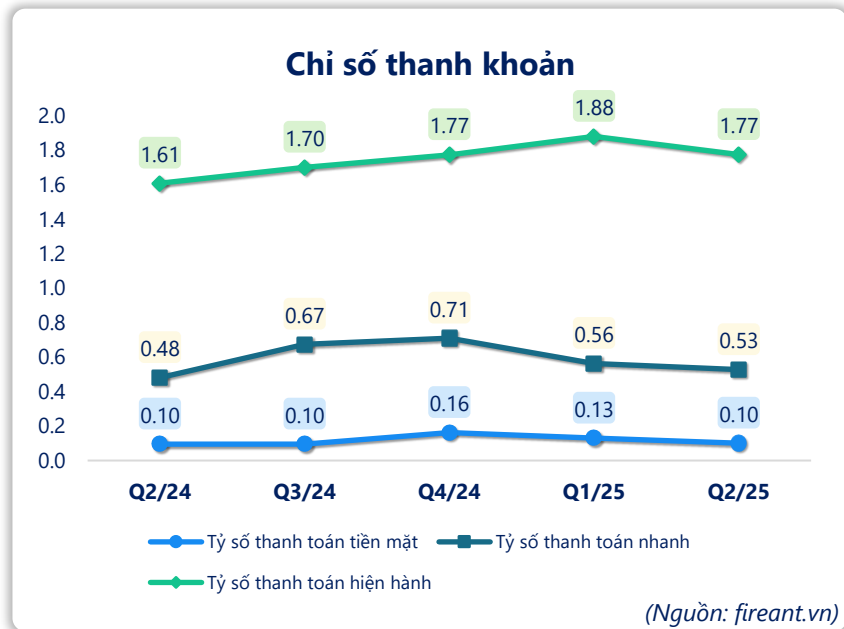
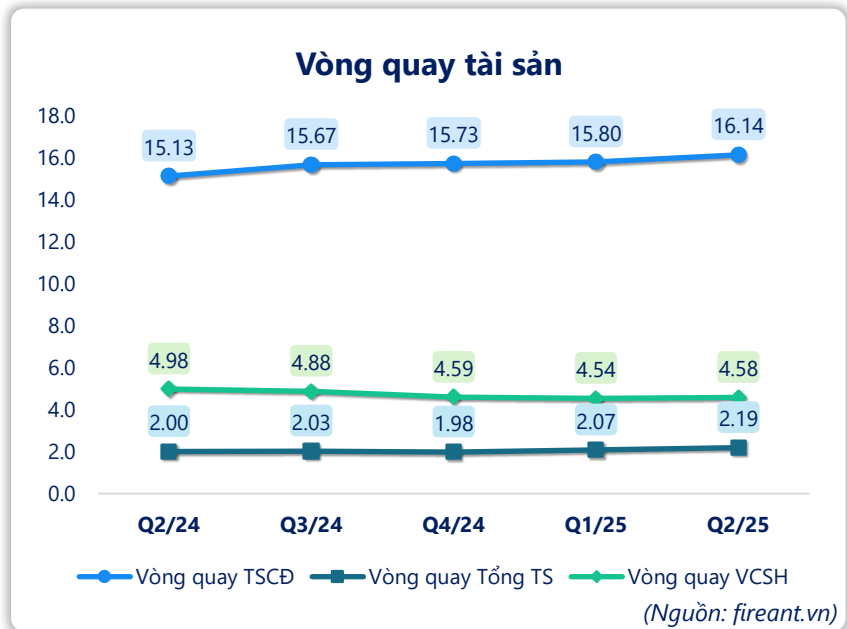
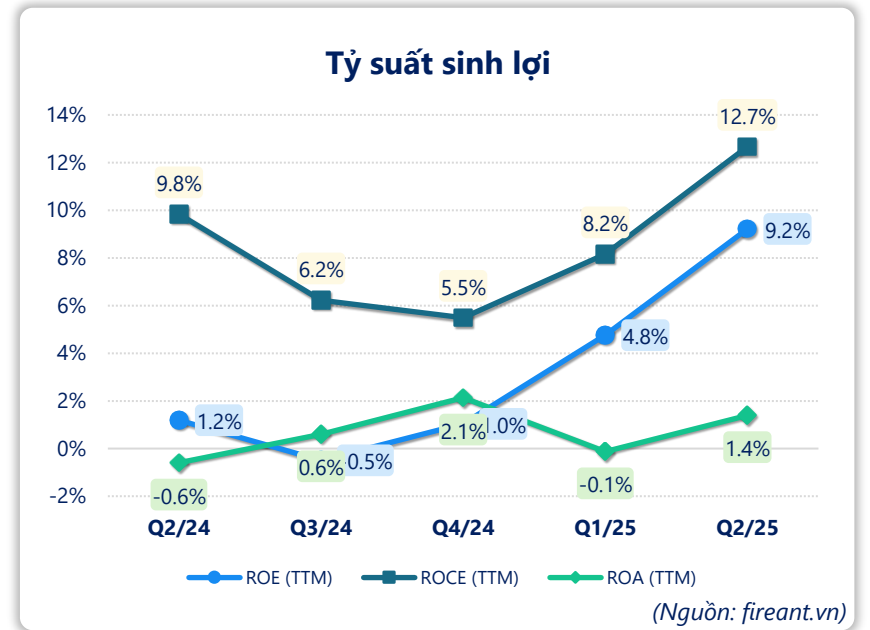
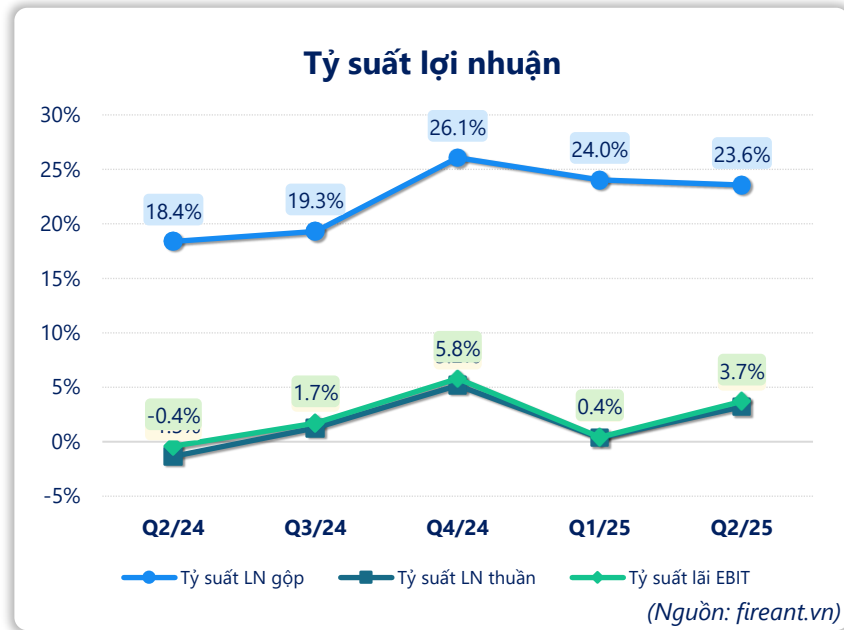
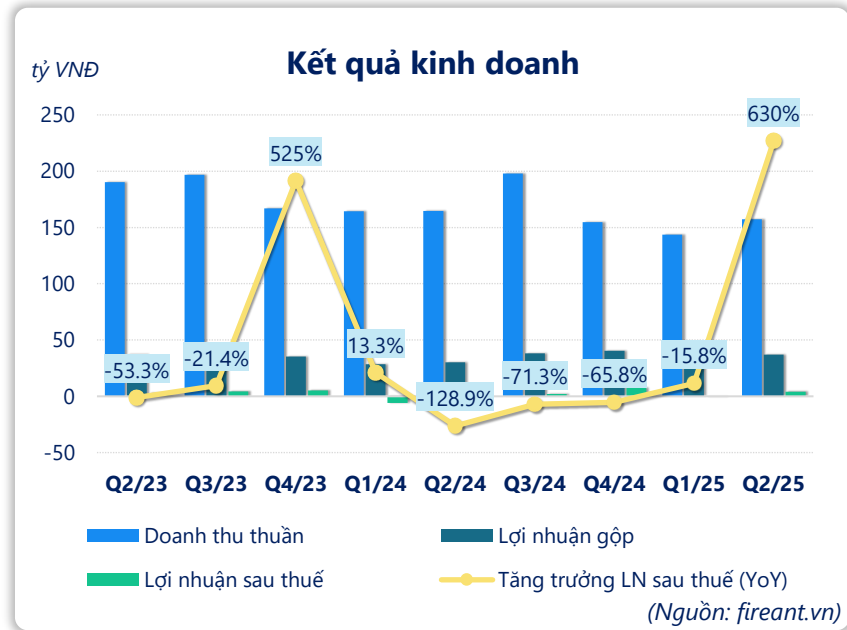


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		62,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		31,400
SL cổ phiếu LH		5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		270
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		173
P/E		13.1
EPS		2,633

	YTD	1T	3T	6T
CAN	-36.1%	-5.5%	-31.5%	-36.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	302	287	5.4%
Tài sản ngắn hạn	260	242	7.5%
Tiền và tương đương tiền	14.8	22.1	-33.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.50	7.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	50.6	61.9	-18.4%
Hàng tồn kho	183	145	25.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.42	5.09	-13.2%
Tài sản dài hạn	41.9	44.7	-6.2%
Phải thu dài hạn	0.65	0.67	-2.7%
Tài sản cố định	38.1	40.9	-6.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.49	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.61	3.13	-16.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	152	141	8.2%
Nợ ngắn hạn	147	136	8.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	65.0	76.2	-14.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.9	34.5	41.6%
Nợ dài hạn	5.68	5.00	13.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.71	0.13	443%
Nguồn vốn chủ sở hữu	150	146	2.6%
Vốn chủ sở hữu	150	146	2.6%
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	165	198	155	144	157
Giá vốn hàng bán	134	160	114	109	120
Lợi nhuận gộp	30.3	38.2	40.3	34.5	37.1
Doanh thu HĐTC	0.93	0.50	0.75	0.89	0.98
Chi phí TC	2.41	1.58	1.13	1.26	1.12
Chi phí lãi vay	1.61	1.01	0.75	0.75	0.55
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	22.8	26.0	24.9	26.8	24.8
Chi phí QLDN	8.19	8.66	7.05	6.84	7.05
LN thuần từ HĐKD	-2.21	2.54	7.99	0.53	5.06
Lợi nhuận khác	-0.06	-0.18	0.22	-0.67	0.20
LN trước thuế	-2.27	2.36	8.21	-0.14	5.26
Lợi nhuận sau thuế	-2.06	2.03	7.36	-0.39	4.17
LNST của CĐ cty mẹ	-2.06	2.03	7.36	-0.39	4.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	67.3	30.4	15.8	16.3	-12.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.11	-0.38	-8.10	0.01	-0.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-68.1	-31.5	1.16	-22.6	12.0
Tiền đầu kỳ	15.7	14.7	13.3	21.7	15.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.98	-1.49	8.82	-6.33	-1.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.01	0.07	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	14.7	13.3	22.1	15.4	14.3

(Nguồn: fireant.vn)